

Bản án số: 33/2018/DS-ST

Ngày 19-11-2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Quang Vinh

Ông: Lê Văn La

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2018/QĐXXST-DS ngày 03/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Trụ sở: số 169, phố Linh Đường, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội. Do ông Phạm Văn H – Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960 (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Hồng N3, sinh năm 1993 (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Đoàn N1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Đoàn N2, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn 8, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Do ông Phạm Văn H – Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 27 tháng 10 năm 2011 ông Nguyễn Đoàn N là đại diện hộ gia đình có vay vốn chương trình Học sinh sinh viên của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang số tiền: 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng chẵn*); thời hạn trả nợ ngày 16/11/2017 sử dụng vào mục đích cho con ăn học là Nguyễn Hồng N3.

Việc ông N là đại diện hộ gia đình để vay vốn là thực hiện đúng quy định của Ngân hàng CSXH và pháp luật; khi có nhu cầu vay vốn, hộ vay phải tự viết hồ sơ vay vốn, tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp được quy định tại hồ sơ vay vốn; chương trình vay vốn, nội dung xin vay được tổ Tiết kiệm và vay vốn tại thôn hợp phổ biến, bình xét cho vay, kết quả bình xét vay vốn được UBND cấp xã xác nhận. Theo quy định của pháp luật Nhà nước khi đại diện hộ gia đình chết thì hàng thừa kế thứ nhất phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền vay cho nhà nước.

Hiện nay ông Nguyễn Đoàn N là người đại diện vay vốn đã chết, người thừa kế là Bà Nguyễn Thị L; người được thụ hưởng chương trình vay vốn là ông Nguyễn Hồng N3 (con trai ông N) đây dựa chây ý không trả nợ cho NHCSXH huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Việc bà L khai trong hồ sơ vay vốn năm sinh không đúng với năm sinh của bà L, chữ ký trong hồ sơ vay vốn không phải là chữ ký của bà L, vấn đề này Ngân hàng CSXH không chịu trách nhiệm vì khi vay vốn, toàn bộ hồ sơ vay vốn hộ vay phải tự viết hồ sơ vay vốn và phải tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp đã được quy định tại hồ sơ vay vốn. Lần giải ngân cuối cùng bà L xin giải ngân nốt 5.000.000đ Ngân hàng phát hiện chữ ký bà L trong hồ sơ vay vốn không đúng với chữ ký bà L ký hiện tại nên ngân hàng không giải ngân, vấn đề này theo quy định nếu người đứng tên vay chết, thì hộ gia đình cử một người đại diện trong hộ đủ 18 tuổi trở lên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đứng ra nhận nợ toàn bộ số tiền đã được giải ngân và tiếp tục được vay vốn theo quy định. Như vậy bà L đã không thực hiện đúng quy định của Ngân hàng CSXH. Đến thời điểm hiện nay không có tài liệu nào lưu về việc bà L xin giải ngân lần cuối tại Ngân hàng CSXH.

Để thu hồi tài sản cho Nhà nước, Kính đề nghị Toà án nhân dân huyện Lạng Giang buộc: Bà Nguyễn Thị L, cùng các con là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải trả nợ cho NHCSXH huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang số tiền: 21.518.794đ (Hai mươi một triệu năm trăm mười tám nghìn bảy trăm chín tư đồng).

Trong đó: 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng) tiền nợ gốc và số tiền lãi tạm tính đến ngày 19/11/2018 là: 6.518.794đ (Sáu triệu năm trăm mười tám nghìn bảy trăm chín tư đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong.

** Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L* trình bày: Tôi là vợ ông Nguyễn Đoàn N; tôi và ông N sinh được 3 người con là Nguyễn Đoàn N1, sinh năm 1983; Nguyễn Đoàn N2, sinh năm 1985 và Nguyễn Hồng N3, sinh năm 1993. Việc ông N vay tiền của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Lạng Giang để cho cháu N3 đi học số tiền 15.000.000đ, như thế nào tôi không biết; tôi không được ký vào sổ vay vốn; tôi được ghi họ tên vào sổ vay vốn, nhưng năm sinh của tôi ghi trong sổ vay vốn không đúng với năm sinh thực tế của tôi. Khi ông N ốm nặng ngày 10/3/2013 âm lịch tôi được ông N ủy quyền, nên tôi có đến Ngân hàng đề nghị giải ngân nốt 5.000.000đ, nhưng Ngân hàng thấy chữ ký của tôi không khớp với chữ ký trong hồ sơ vay vốn, nên Ngân hàng không cho tôi rút tiền. Hiện cháu N3 đã học xong Đại học thương mại khoa tài chính ngân hàng. Nay tôi không đồng ý trả Ngân hàng số tiền gốc và lãi xuất như Ngân hàng yêu cầu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Anh Nguyễn Hồng N3; anh Nguyễn Đoàn N1; anh Nguyễn Đoàn N2:* Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và giao, các thủ tục tố tụng khác theo đúng

quy định của pháp luật, nhưng anh N3, anh N1, anh N2 vẫn không phối kết hợp để làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay bà L, anh N3, anh N1, anh N2 đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, ông Phạm Văn H có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tổ tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tổ tụng dân sự, bà L, anh N3, anh N1, anh N2 đều vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng Điều 26; 35; 147; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 471; 473; 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011. Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 103 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Buộc bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Hồng N3; anh Nguyễn Đoàn N1; anh Nguyễn Đoàn N2 có trách nhiệm liên đới thanh toán trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền còn nợ tính đến ngày 19/11/2018 là 15.000.000đ tiền gốc và 6.518.794đ tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 21.518.794đ (Hai một triệu năm trăm mười tám nghìn bảy trăm chín tư đồng) và tiền lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 20/11/2018, theo sổ vay vốn có mã số khách hàng 1300104403 ngày 27/10/2011 đến khi thanh toán hết nợ của hợp đồng. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.076.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Do ông Phạm Văn H – Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền khởi kiện đòi trả tiền vay đối với bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960 trú tại thôn 8, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Ngày 27 tháng 10 năm 2011 Ông Nguyễn Đoàn N (chồng bà L) là đại diện hộ gia đình có vay vốn chương trình Học sinh sinh viên của Phòng giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang số tiền: 15.000.000đ; thời hạn trả nợ ngày 16/11/2017 sử dụng vào mục đích cho con là Nguyễn Hồng N3 ăn học. Ngày 19/4/2013 ông N chết. Nay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu bà L cùng các con phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền vay và lãi xuất cho Ngân hàng. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phạm vi khởi kiện đòi tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Về nội dung: Vợ chồng ông Nguyễn Đoàn N và bà Nguyễn Thị L, sinh được 3 người con là Nguyễn Đoàn N1, sinh năm 1983; Nguyễn Đoàn N2, sinh năm 1985 và

Nguyễn Hồng N3, sinh năm 1993. Ngày 27 tháng 10 năm 2011 ông Nguyễn Đoàn N là đại diện hộ gia đình có vay vốn chương trình Học sinh sinh viên của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang số tiền là 15.000.000đ. Cụ thể ngày 27/10/2011 Ngân hàng giải ngân 5.000.000đ, ngày 07/3/2012 Ngân hàng giải ngân 5.000.000đ và ngày 26/10/2012 Ngân hàng giải ngân 5.000.000đ; thời hạn trả nợ ngày 16/11/2017 sử dụng vào mục đích cho con là Nguyễn Hồng N3 ăn học tại Trường Đại học thương mại. Ngày 19/4/2013 ông N chết. Khi đến hạn trả nợ phía bà L và các con không trả tiền cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu bà L cùng anh N1, anh N2, anh N3 phải có trách nhiệm hoàn trả Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 19/11/2018 là 15.000.000đ tiền gốc và 6.518.794đ tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 21.518.794đ (Hai một triệu năm trăm mười tám nghìn bảy trăm chín tư đồng) và tiền lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 20/11/2018, theo số vay vốn có mã số khách hàng 1300104403 ngày 27/10/2011 đến khi thanh toán hết nợ của hợp đồng.

Phía bà L cho rằng việc ông N chồng bà vay tiền của Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang để cho cháu N3 đi học, như thế nào bà không biết; bà không được ký vào sổ vay vốn; bà được ghi họ tên vào sổ vay vốn, nhưng năm sinh của bà ghi trong sổ vay vốn không đúng với năm sinh thực tế của bà, chữ ký trong sổ vay vốn không phải là chữ ký của bà. Nên bà không đồng ý trả Ngân hàng số tiền gốc và lãi xuất như Ngân hàng yêu cầu. Đối với anh Nguyễn Hồng N3; anh Nguyễn Đoàn N1; anh Nguyễn Đoàn N2, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và giao, các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh N3, anh N1, anh N2 vẫn không phối kết hợp để làm việc.

Quan điểm của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam khẳng định; Việc ông N là đại diện hộ gia đình để vay vốn là thực hiện đúng quy định của Ngân hàng CSXH và pháp luật; khi có nhu cầu vay vốn, hộ vay phải tự viết hồ sơ vay vốn, tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp được quy định tại hồ sơ vay vốn; chương trình vay vốn, nội dung xin vay được tổ tiết kiệm và vay vốn tại thôn hợp phổ biến, bình xét cho vay, kết quả bình xét vay vốn được UBND cấp xã xác nhận. Việc bà L khai trong hồ sơ vay vốn năm sinh không đúng với năm sinh của bà L, chữ ký trong hồ sơ vay vốn không phải là chữ ký của bà L, vấn đề này Ngân hàng CSXH không chịu trách nhiệm vì khi vay vốn, toàn bộ hồ sơ vay vốn hộ vay phải tự viết hồ sơ vay vốn và phải tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp đã được quy định tại hồ sơ vay vốn. Lần giải ngân cuối cùng bà L xin giải ngân nốt 5.000.000đ Ngân hàng phát hiện chữ ký bà L trong hồ sơ vay vốn không đúng với chữ ký bà L ký hiện tại nên Ngân hàng không giải ngân, vấn đề này theo quy định nếu người đứng tên vay chết, thì hộ gia đình cử một người đại diện trong hộ đủ 18 tuổi trở lên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đứng ra nhận nợ toàn bộ số tiền đã được giải ngân và tiếp tục được vay vốn theo quy định. Như vậy bà L đã không thực hiện đúng quy định của Ngân hàng CSXH.

HĐXX xét thấy Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều 17 Luật các tổ chức tín dụng, nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước. Đảm bảo cho ông Nguyễn Đoàn N là đại diện hộ gia đình vay vốn chương trình học sinh sinh viên của Ngân hàng để cho con là Nguyễn Hồng N3 ăn học. Nay vì ông N đã chết và đã quá thời hạn thanh toán; do vậy nay cần buộc bà L cùng anh N1, anh N2, anh N3 phải có trách nhiệm trả Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 19/11/2018 là

15.000.000đ tiền gốc và 6.518.794đ tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 21.518.794đ (Hai một triệu năm trăm mười tám nghìn bảy trăm chín tư đồng) và tiền lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 20/11/2018, theo sổ vay vốn có mã số khách hàng 1300104403 ngày 27/10/2011 đến khi thanh toán hết nợ của hợp đồng. Xét là phù hợp 471; 474; 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011. Điều 357; 463; 466; 468; 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 8; 17; 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Về án phí: Bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu Toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng: Điều 26; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 471; 474; 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011. Điều 357; 463; 466; 468; 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 8; 17; 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1/ Buộc bà Nguyễn Thị L cùng anh Nguyễn Đoàn N1, anh Nguyễn Đoàn N2 và anh Nguyễn Hồng N3 phải có trách nhiệm liên đới trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền còn nợ tính đến ngày 19/11/2018 là 15.000.000đ tiền gốc và 6.518.794đ tiền lãi, tổng cộng cả gốc và lãi là 21.518.794đ (Hai một triệu năm trăm mười tám nghìn bảy trăm chín tư đồng) và tiền lãi suất phát sinh tiếp theo kể từ ngày 20/11/2018, theo sổ vay vốn có mã số khách hàng 1300104403 ngày 27/10/2011 đến khi thanh toán hết nợ của hợp đồng.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.076.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Thân Trọng Khôi